

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ CỦA CÁC NƯỚC ĐÔNG Á VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Th.s Phạm Thanh Hiền
 Trường Đại học Giao thông Vận tải
PGS.TS Trần Thị Lan Hương
 Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Từ những đặc điểm của công nghiệp hỗ trợ (CNHT) cho thấy sự phù hợp với xu thế phát triển doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam. Qua thực tế phát triển CNHT ở Việt Nam và với bài học kinh nghiệm của các nước Đông Á giúp cho việc đề xuất giải pháp phát triển ngành CNHT ở Việt Nam: Phát triển SMEs trong các ngành CNHT; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển công nghệ; Hoàn thiện và bổ sung các chính sách ưu đãi để thu hút FDI phát triển CNHT tại Việt Nam; Thúc đẩy các mối liên kết công nghiệp.

1. Đặc điểm của CNHT

Tại Việt Nam hiện nay, CNHT được định nghĩa là các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu, linh kiện, phụ kiện, bán thành phẩm để cung cấp cho ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp các sản phẩm hoàn chỉnh là tư liệu sản xuất hoặc sản phẩm tiêu dùng.

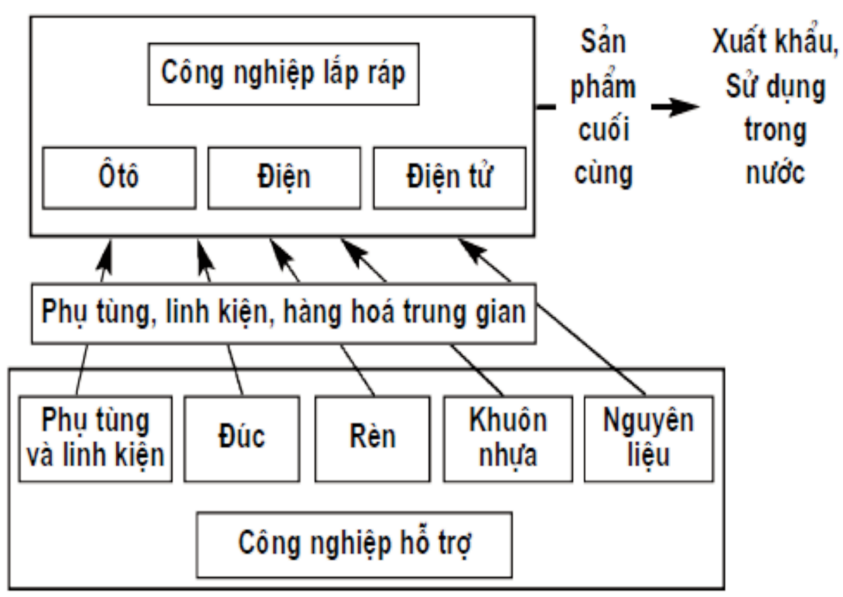
* Sản phẩm của CNHT thường được sản xuất tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đây là một đặc điểm xuất phát từ lịch sử hình thành của ngành CNHT cũng như khái niệm về CNHT. Cho tới nay, mặc dù Nhật Bản có nhiều doanh nghiệp tầm cỡ thế giới nhưng số công ty này chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ với công việc chủ yếu là lắp ráp, còn phần lớn việc sản

xuất các linh kiện, phụ kiện cho những công ty này là của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

* CNHT là ngành đòi hỏi đầu tư nhiều vốn và nguồn nhân lực có trình độ cao. Ngành CNHT cần nhiều vốn để mua máy móc và cần ít lao động hơn so với các ngành khác nhưng đòi hỏi phải có trình độ kỹ thuật cao (các kỹ sư, kỹ thuật viên) để có thể vận hành tốt hệ thống máy móc hiện đại.

* Công nghiệp hỗ trợ có quan hệ mật thiết với đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đối với các nước đang phát triển, CNHT và đầu tư trực tiếp nước ngoài có mối quan hệ mật thiết và tương hỗ lẫn nhau, thể hiện trên nhiều khía cạnh. Một mặt, FDI là tiền đề để thúc đẩy

Hình 1: Ngành công nghiệp hỗ trợ (theo MITI)



Nguồn: Hiệp hội doanh nghiệp Hải ngoại Nhật Bản JOEA (Japanese Oversea Enterprise Association)

ngành CNHT trong nước hình thành và phát triển. Mặt khác, sự phát triển mạnh mẽ của CNHT trong nước sẽ làm tăng sức hấp dẫn trong thu hút FDI. Theo số liệu điều tra do tổ chức JETRO tiến hành tại các cơ sở lắp ráp cơ khí của các nhà đầu tư Nhật Bản ở Đông Nam Á, chi phí linh kiện, phụ tùng chiếm đến 70-90% trong giá thành sản phẩm, còn chi phí nhân công chỉ chiếm khoảng 10%.

2. Vai trò của công nghiệp hỗ trợ

- Công nghiệp hỗ trợ phát triển giúp tăng cường thu hút vốn FDI.

- Công nghiệp hỗ trợ phát triển góp phần thúc đẩy quá trình chuyên môn hóa và ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất.

- Công nghiệp hỗ trợ phát triển tạo thêm nhiều việc làm và cải thiện cơ cấu lao động theo hướng tích cực, nâng cao chất lượng đội ngũ lao động.

- Công nghiệp hỗ trợ giúp phát triển ngành công nghiệp nội địa, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Công nghiệp hỗ trợ phát triển tạo tiền đề cho phát triển kinh tế bền vững.

3. Chính sách phát triển CNHT của các nước Đông Á và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

3.1. Chính sách phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) trong lĩnh vực CNHT

* *Tại Nhật Bản*

Từ năm 1936, Nhật Bản đã có rất nhiều biện pháp phát triển các SMEs trong lĩnh vực CNHT như:

- Thành lập quỹ tài chính đầu tư vốn dành riêng cho loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ để giúp các doanh nghiệp vay vốn dễ dàng hơn và tiếp cận được vốn trong thời gian ngắn. Cụ thể, trong giai đoạn 1961– 1971, ngành công nghiệp linh kiện ô tô và điện tử được hỗ trợ để giảm khoảng 30% giá thành, kết quả là thị phần của Nhật trên thị trường ô tô thế giới đã tăng từ 3,6% năm 1965 lên 14,2% năm 1970 và 17,9% năm 1975¹.

- Hỗ trợ các SMEs về công nghệ. Hiện nay, Nhật Bản có tới 110 trung tâm hỗ trợ máy móc thiết bị giúp các công ty nhỏ với khả năng tài chính hạn hẹp có thể tiếp cận được với máy móc, công nghệ mới.

- Tạo lập hành lang pháp lý thông thoáng, kịp thời đáp ứng nhu cầu phát triển của các SMEs. Ví dụ, trong những năm 1940, nhu cầu về các sản phẩm trong ngành công nghiệp cơ khí tăng mạnh khiến các doanh nghiệp lớn phải ký hợp đồng với các doanh nghiệp nhỏ hơn (cung cấp linh phụ kiện) thay vì mở rộng cơ sở sản xuất. Để điều chỉnh mối quan hệ này, Chính phủ đã ban hành Luật về Hợp tác với SMEs năm 1949 nhằm bảo vệ quyền đàm phán của

SME và tạo điều kiện cho họ tiếp cận với công nghệ mới và nguồn vốn vay.

* *Tại Hàn Quốc*

Thực hiện các chính sách thúc đẩy liên kết giữa SMEs và doanh nghiệp lớn:

Hàn Quốc đã thực thi chính sách từ trên xuống, chỉ định một số doanh nghiệp lớn (doanh nghiệp hạt nhân) và yêu cầu họ phải mua linh phụ kiện từ các SMEs mục tiêu. Ví dụ, năm 2005, Chính phủ Hàn Quốc triển khai chiến lược phát triển nguyên liệu và linh phụ kiện của ngành công nghiệp ô tô và điện tử đã chỉ rõ Samsung, Lucky Gold là doanh nghiệp hạt nhân. Các doanh nghiệp chuyên cung ứng linh kiện, phụ kiện phải phát triển sản phẩm đáp ứng nhu cầu của hai tập đoàn này; doanh nghiệp hạt nhân phải mua linh kiện của các doanh nghiệp khác.

Văn bản quy phạm này đã góp phần kêu gọi được nhiều doanh nghiệp tham gia chế tạo; ngăn chặn tình trạng phát triển cát cứ tại các doanh nghiệp chủ lực của nền kinh tế; thúc đẩy sự liên kết giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp.

3.2. Phát triển công nghệ và nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu của CNHT

* *Nhật Bản*

Mô hình Monozukuri đã được phổ biến và áp dụng hết sức thành công trong các ngành công nghiệp. Thuật ngữ Monozukuri dịch trực nghĩa là “làm ra một cái gì đó” hay “chế tạo sản phẩm”, ám chỉ mong muốn và lòng quyết tâm của nghệ nhân nhằm tạo ra các sản phẩm ngày càng tốt hơn. Tiêu biểu cho tinh thần Monozukuri Nhật Bản là các kỹ sư, sáng lập viên của nhiều công ty hàng đầu như Sakichi Toyoda (1867– 1930, Công ty Toyota), Konosuke Matsushita (1894– 1989, Tập đoàn Panasonic), Soichiro Honda (1906– 1991, Công ty Honda), Akio Morita (1921– 1999, đồng sáng lập viên của Công ty Sony).

Hiện ở Nhật Bản, số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) trong lĩnh vực CHHT chiếm tới 99,7% tổng số doanh nghiệp, 70% nhân công và hơn 50% giá trị gia tăng của đất nước.

* *Trung Quốc*

- Thời kỳ đầu, Trung Quốc đã khuyến khích nhập khẩu công nghệ từ bên ngoài để thay thế công nghệ lạc hậu của ngành công nghiệp, đây là chia khoá then chốt để đổi mới và phát triển các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, họ cũng luôn đề cao tính độc lập công nghệ trong nước, đưa ra nhiều chính sách coi trọng cải tiến R & D và những chính sách KH & CN mới. Tiêu biểu là: Chương trình “Đóm lửa” (1986) tập trung đầu tư vào 7 lĩnh vực then chốt: công nghệ

sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vũ trụ, công nghệ laser, tự động hoá, công nghệ năng lượng và công nghệ vật liệu tiên tiến. Chương trình “Ngọn đuốc” (1988) được đề xướng nhằm thúc đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ trong các doanh nghiệp.

- Từ 1999, chính sách thu hút FDI chính thức của Trung Quốc đã khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài thiết lập những trung tâm R&D. Những chính sách quan trọng gồm có:

+ Miễn thuế nhập khẩu cho những thiết bị và công nghệ hỗ trợ cho phòng thí nghiệm của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIEs) và sử dụng cho thí nghiệm nghiên cứu;

+ Miễn thuế môn bài (sales tax) cho thu nhập từ việc chuyển giao công nghệ chỉ do các FIEs làm;

+ Một FIE với chi phí cho phát triển công nghệ tăng hàng năm ít nhất 10% được giảm 50% thuế thu nhập năm đó cho phần chi phí phát triển công nghệ;

+ Những FIEs có trung tâm R&D ở Trung Quốc được phép nhập khẩu và bán một số ít sản phẩm công nghệ cao để thử nghiệm trong thị trường địa phương, nếu những sản phẩm đó được sản xuất tốt, là kết quả của R&D (China Ministry of Commerce, 2003);

+ Năm 2002, theo số liệu thống kê, có 400 FIEs đã thiết lập những trung tâm R&D độc lập tại Trung Quốc, chủ yếu tập trung vào những hoạt động R&D công nghệ theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm cho những người tiêu dùng nội địa.

*** Hàn Quốc**

Đối với Hàn Quốc, chính sách công nghệ được coi là một bộ phận hợp thành hữu cơ của chính sách công nghiệp mở rộng. Hàn Quốc đặc biệt coi trọng thực hiện kết hợp chính sách công nghệ với chiến lược thay thế nhập khẩu, khuyến khích xuất khẩu, đầu tư phát triển tiềm lực R & D cho tập đoàn tư nhân lớn.

- Để tiến hành phát triển công nghiệp nặng, thúc đẩy năng lực R & D nội địa và xuất khẩu quốc tế, Chính phủ Hàn Quốc không đầu tư vào doanh nghiệp nhà nước, mà tập trung vào thúc đẩy sự tăng trưởng của các hãng tư nhân khổng lồ gọi là các “chaebol”, đây chính là những trụ cột chính của chiến lược công nghệ.

- Việc nhập khẩu công nghệ cũng được quan tâm bằng các hỗ trợ thích hợp về chi phí chuyển giao sáng chế và chi phí chuyển giao công nghệ, về miễn thuế thu nhập từ tư vấn công nghệ, miễn thuế thu nhập cho các chuyên gia, kỹ sư nước ngoài, miễn thuế cho các quỹ phát triển công nghệ, nợ thuế đối với các chi phí cho R & D, nâng cấp nguồn nhân lực, xây dựng viện nghiên cứu công nghiệp,...

- Nhằm giúp SMEs tìm kiếm và mua công nghệ nước ngoài, Chính phủ đã xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn và giá cung cấp công nghệ, cung cấp thông tin trực tuyến ở các trung tâm công nghiệp chính và phát triển các dịch vụ tư vấn công nghệ khác...

- Chính phủ còn hỗ trợ tài chính cho công nghệ mới dưới hình thức tài trợ không hoàn lại hoặc cho vay ưu đãi. Chương trình R & D chỉ định (triển khai từ 1982) được Bộ KH & CN phê duyệt đã hỗ trợ tới 50% chi phí R & D của các hãng lớn và 80% cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

3.3. Chính sách thúc đẩy chuyên môn hóa và liên kết công nghiệp

*** Xu hướng chuyên môn hóa theo chuỗi giá trị trong ngành công nghiệp điện tử Nhật Bản**

Vào những năm 1990, thay vì sản xuất toàn bộ linh kiện cho hàng điện tử, Nhật Bản đã chuyển hướng sang nhập khẩu phụ tùng. Kể từ đó, các doanh nghiệp sản xuất hàng điện tử Nhật Bản tập trung chủ yếu vào khâu sản xuất, thiết kế và phân phối những thành phần chính trong chuỗi giá trị hàng điện tử thế giới (như chất bán dẫn, các con chip, các loại pin chất lượng cao...), đồng thời chuyển việc sản xuất linh kiện, phụ tùng sang những nước đang và chậm phát triển như Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan, Đài Loan...

*** Liên kết công nghiệp tại cụm công nghiệp ô tô Quảng Châu, Trung Quốc**

Cụm công nghiệp ô tô Quảng Châu thu hút được ba hãng lắp ráp lớn của Nhật Bản là Toyota, Honda và Nissan. Các doanh nghiệp hỗ trợ cho Nissan nằm ở huyện Hoa Đô, doanh nghiệp hỗ trợ cho Honda nằm ở huyện Nam Sa, và doanh nghiệp hỗ trợ cho Honda nằm ở huyện Tăng Thành, Quảng Châu. Ba huyện trở nên gần nhau hơn (1h đi từ huyện này sang huyện khác) khi tỉnh Quảng Đông xây dựng đường cao tốc vành đai thứ hai quanh thành phố Quảng Châu. Cơ sở hạ tầng phát triển đã giúp các doanh nghiệp hỗ trợ phát triển, không chỉ bó hẹp ở việc cung cấp sản phẩm hỗ trợ cho riêng công ty nào, mà mở rộng thị trường sang cả những công ty xung quanh.

3.4. Thu hút đầu tư nước ngoài

Với một nền công nghiệp non trẻ như Trung Quốc, việc phát triển CNHT gặp một số khó khăn về tài chính và công nghệ, cho nên Trung Quốc đã có chính sách thu hút đầu tư nước ngoài nhằm phát triển CNHT một cách nhanh chóng. Trung Quốc đã tạo môi trường đầu tư tự do và hấp dẫn cũng là một thành công trong việc thu hút vốn FDI vào công nghiệp nói chung, CNHT nói riêng.

- Trước hết, Chính phủ Trung Quốc có những chính sách ưu đãi tài chính đặc biệt với các nhà đầu tư nước ngoài. Tháng 10 năm 1996, Chính phủ đưa ra “Quy định về khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài”, theo đó, giảm mức thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp FDI từ 30% xuống còn 15% (các doanh nghiệp ở đặc khu kinh tế thuế thu nhập chỉ còn 10%), miễn thuế 5 năm đầu cho các doanh nghiệp FDI mới thành lập ở những đặc khu, miễn thuế thu nhập khi chuyển lãi ra nước ngoài, hoàn trả thuế thu nhập cho phần lợi nhuận dùng để tái đầu tư,...

- Chính phủ Trung Quốc chú trọng vào việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ, khiến các nhà đầu tư có thể yên tâm đầu tư vào Trung Quốc. Nghiên cứu chỉ ra rằng 68% những TNCs của Nhật Bản đưa Trung Quốc vào danh sách top 10 địa điểm mong muốn đầu tư năm 1996, 65% năm 2000 và 82% năm 2001. Trung Quốc cũng đứng đầu trong danh sách 10 địa điểm đầu tư cạnh tranh cao.

- Ngoài ra, để phát triển CNHT, Trung Quốc còn đẩy mạnh hoạt động mua lại các cơ sở sản xuất linh phụ kiện nước ngoài để chuyển về trong nước. Điển hình là vụ mua lại của hãng Wanxing (một nhà sản xuất thiết bị hỗ trợ của Trung Quốc để xuất khẩu và cung cấp cho GM và Ford) đối với Automotive Component Holding (một tổ hợp gồm 17 nhà máy và 6 xí nghiệp mà Ford nắm quyền kiểm soát từ năm 2000). Xuất khẩu thiết bị phụ trợ của Trung Quốc năm 2005 tăng 75% so với năm 2004, đạt 15,2 tỷ USD.²

3.5. Bài học kinh nghiệm từ các chính sách phát triển CNHT của các nước Đông Á

Từ việc tìm hiểu các chính sách phát triển CNHT của các nước Đông Á, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm sau:

Phải tạo mọi điều kiện về vốn, hệ thống pháp lý... để các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể ra đời, đồng thời có những biện pháp cứng rắn để buộc các doanh nghiệp lớn phải mua các sản phẩm hỗ trợ từ các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

CNHT khác với công nghiệp gia công vì nó không cần nhiều lao động, nhưng đòi hỏi công nghệ cao và lao động có trình độ kỹ thuật. Vì vậy, muốn phát triển CNHT cần đầu tư thích đáng để phát triển công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Phải xây dựng các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hỗ trợ trước hết phục vụ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, mở rộng ra phục vụ cho liên doanh, và cuối cùng phục vụ cho doanh nghiệp công nghiệp trong nước.

Phải có những chính sách ưu đãi thiết thực để thu hút FDI nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ trong nước.

4. Vận dụng kinh nghiệm của Đông Á trong phát triển CNHT tại Việt Nam

4.1. Khái quát tình hình CNHT tại Việt Nam

CNHT tại Việt Nam hiện nay phần lớn còn đang trong giai đoạn sơ khai, manh mún, lạc hậu và thiếu đồng bộ, chưa thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của các ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp. Một số chuyên gia nhận định, CNHT của Việt Nam phần lớn vẫn chưa thoát ra khỏi giai đoạn 1 (CNHT ngành đóng tàu, dệt may, ô tô), cũng đã có ngành góp mặt ở giai đoạn 2 (CNHT ngành điện tử) và có ngành đã chạm được vào giai đoạn 3 (CNHT ngành xe máy).³

Mặc dù Chính phủ đã có một số chính sách, biện pháp phát triển CNHT nhưng ngành CNHT Việt Nam vẫn phát triển chậm chạp. Một khảo sát năm 2008 của Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO) tại 68 doanh nghiệp của Nhật đang hoạt động tại Việt Nam cho thấy 50-90% linh phụ kiện của họ vẫn phải nhập từ nước ngoài trong khi các doanh nghiệp Nhật Bản tại Thái Lan sử dụng 70-90% linh kiện sản xuất tại chỗ.⁴

Sự yếu kém của ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam thể hiện ở chính sản phẩm hỗ trợ và các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hỗ trợ.

Có thể nói các sản phẩm hỗ trợ vừa thiếu về số lượng, đơn điệu về chủng loại vừa yếu kém về chất lượng. Tất cả những điều đó được phản ánh trong tỷ lệ nội địa hoá của sản phẩm thấp, giá thành sản phẩm cao, giá trị gia tăng thấp và năng lực cạnh tranh cũng thấp.

Theo thống kê của JETRO, tỷ lệ nội địa hoá trung bình của các nhà sản xuất Nhật Bản ở ASEAN 4 (Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Philippines) là 60,8% năm 2007, trong lúc đó tỷ lệ này ở Việt Nam chỉ đạt mức 32,5%⁵. Trong từng ngành đơn lẻ, có thể thấy ngành công nghiệp xe máy đạt tỷ lệ nội địa hoá cao nhất với 80%. Trái ngược với ngành xe máy, ngành CNHT cho ô tô còn kém phát triển, tỷ lệ nội địa hoá đạt khoảng 5-10%, chỉ cung cấp được vài sản phẩm đơn giản, giá trị thấp như bộ dây điện trong xe, ghế ngồi, một số chi tiết bằng nhựa hoặc kim loại. Ngành dệt may, da giày dù có kim ngạch xuất khẩu trong top dẫn đầu nhưng tỷ lệ nội địa hoá vẫn thấp do phải nhập khẩu tới 80% nguyên liệu.

Chi phí sản xuất cao cũng như sự phụ thuộc vào linh phụ kiện nhập khẩu khiến giá thành sản phẩm tăng lên- một yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Trong ngành công nghiệp ô tô, chi phí sản xuất linh phụ kiện của Việt Nam cao hơn

của Thái Lan khoảng 56%, cộng thêm chênh lệch về thuế khiến giá một chiếc ô tô ở Việt Nam cao hơn so với Thái Lan là 48%⁶. Còn trong ngành dệt may, do 80% đầu vào nhập khẩu nên chỉ so với một chiếc khăn quàng cổ Trung Quốc nhập khẩu “nguyên chiếc” với chất lượng tương đương thì khăn của Việt Nam sản xuất đã đắt hơn 22% về giá⁷.

Xét về nhà cung cấp, thực tế cho thấy, số lượng các doanh nghiệp tham gia chế tạo linh phụ kiện và sản phẩm hỗ trợ còn quá ít ỏi. Trong lĩnh vực đúc nhựa- một ngành đại diện cho CNHT- chỉ có khoảng 200 doanh nghiệp hoạt động, với các sản phẩm chủ yếu vẫn là hàng tiêu dùng phổ thông, rất hạn chế về các linh kiện nhựa cao cấp phục vụ cho các ngành công nghiệp⁸.

Trong ngành công nghiệp ô tô, theo một nghiên cứu thì mỗi chiếc ô tô có từ khoảng 20.000- 30.000 chi tiết và để sản xuất ra nó cần hàng ngàn nhà cung cấp linh kiện, nhưng ở Việt Nam chỉ có 60 nhà cung cấp linh kiện ở mức độ giản đơn trên tổng số 50 nhà lắp ráp. Trong khi đó, Nhật Bản chỉ có 14 nhà sản xuất nhưng cần tới 24.800 nhà cung cấp các loại⁹; Thái Lan cũng có tới trên 1500 doanh nghiệp phụ trợ, còn Đài Loan cũng có khoảng trên 2000 nhà đầu tư sản xuất linh kiện phụ tùng thay thế¹⁰.

Ngành công nghiệp xe máy mặc dù đạt tỷ lệ nội địa hoá cao nhất tại nhưng cũng chỉ có 230 nhà cung cấp linh phụ kiện¹¹. Ngoài ra, vấn đề liên kết giữa các doanh nghiệp phụ trợ trong nước với doanh nghiệp lắp ráp cũng như doanh nghiệp phụ trợ nội địa với doanh nghiệp phụ trợ có vốn FDI còn rất lỏng lẻo và yếu kém.

4.2. Giải pháp phát triển ngành CNHT Việt Nam từ việc vận dụng kinh nghiệm của các nước Đông Á

Việc phát triển CNHT tại Việt Nam thực sự là một bài toán khó mà việc đưa ra những giải pháp thích hợp đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách không chỉ dựa vào kinh nghiệm của một số nước như các nước Đông Á mà còn phải có sự hiểu biết về tình hình và điều kiện của Việt Nam. Sau khi nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước Đông Á trong việc phát triển CNHT, xét trong tình hình phát triển CNHT cũng như tình hình phát triển của nền kinh tế Việt Nam hiện nay, người viết xin đưa ra một số giải pháp tổng thể để phát triển CNHT tại Việt Nam như sau:

*** Phát triển SMEs trong ngành CNHT**

Việc phát triển các SMEs để phát triển CNHT là biện pháp hết sức hợp lý xét trong tình hình Việt Nam hiện nay. Bằng chứng từ những nước khác cho thấy, SMEs đóng vai trò quan trọng hàng đầu đối

với sự phát triển của các ngành công nghiệp hỗ trợ. Các chính sách phát triển SMEs của các nước Đông Á chúng ta có thể học tập là:

- Thành lập quỹ tài chính đầu tư vốn dành riêng cho SMEs trong lĩnh vực CNHT, và đồng thời đưa ra những ưu đãi về chính sách tín dụng như kết hợp tín dụng với chế độ bảo đảm tín dụng và bù lãi suất...

- Thực hiện các chính sách ưu đãi thuế cho các SMEs trong lĩnh vực CNHT để giúp họ mở rộng sản xuất kinh doanh với một mức lợi nhuận giữ lại nào đó, và để đóng góp cho sự phát triển của các ngành công nghiệp Việt Nam.

- Ban hành kịp thời các văn bản pháp luật để giải quyết các vướng mắc nảy sinh trong hoạt động của các SMEs.

- Thiết lập mối liên hệ chặt chẽ giữa SMEs trong lĩnh vực CNHT và các doanh nghiệp lớn thông qua việc xây dựng các doanh nghiệp hạt nhân, buộc các doanh nghiệp này phải sử dụng các linh kiện của các SMEs mục tiêu...

*** Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển công nghệ**

Hỗ trợ công nghệ có thể được thực hiện dưới các hình thức sau:

- Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) thông qua việc xây dựng các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật tại các khu công nghiệp đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp lắp ráp.

- Thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế, chính sách “đổi thị trường lấy kỹ thuật” để động viên các FIEs xây dựng các trung tâm R&D tại Việt Nam;

- Khuyến khích nhập khẩu công nghệ thông qua việc hỗ trợ các chi phí chuyển giao sáng chế và chi phí chuyển giao công nghệ, về miễn thuế thu nhập từ tư vấn công nghệ, miễn thuế thu nhập cho các chuyên gia, kỹ sư nước ngoài để phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn và giá cung cấp công nghệ, cung cấp thông tin trực tuyến ở các trung tâm công nghiệp chính;

- Hỗ trợ tài chính cho công nghệ mới dưới hình thức tài trợ không hoàn lại hoặc cho vay ưu đãi;

- Từ kinh nghiệm Nhật Bản, xây dựng tinh thần “Monozukuri” ở Việt Nam;

*** Hoàn thiện và bổ sung các chính sách ưu đãi để thu hút FDI phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam**

Với tình hình phát triển chậm chạp của CNHT tại Việt Nam, việc thu hút FDI vào CNHT là một biện

pháp hiệu quả, giúp tăng sức cạnh tranh cho ngành, tạo “cú huých” về vốn và công nghệ giúp phát triển CNHT một cách nhanh chóng. Vì vậy, muốn phát triển CNHT, Việt Nam cần phải có những chính sách thực sự ưu đãi để thu hút FDI như:

- Giảm thuế nhập khẩu linh kiện, phụ tùng tới 5% và 0% theo lộ trình giảm thuế Việt Nam đã cam kết khi gia nhập các tổ chức kinh tế, thương mại quốc tế và khu vực. Nếu không thực hiện được điều này, các nhà lắp ráp tại Việt Nam sẽ nhanh chóng mất đi lợi thế cạnh tranh về chi phí so với các sản phẩm nhập khẩu từ các nước ASEAN.

- Cùng với việc giảm thuế nhập khẩu linh kiện cũng phải giảm thuế nhập khẩu cho nguyên liệu thô, giải quyết hài hòa giữa việc bảo hộ một số nhà cung cấp nguyên liệu thô với thúc đẩy các nhà sản xuất linh kiện nhập khẩu nguyên liệu công nghiệp cao cấp mà hiện trong nước chưa sản xuất để phát triển CNHT.

*** Thúc đẩy các mối liên kết công nghiệp**

Các mối liên kết công nghiệp có vai trò rất lớn trong việc phát triển CNHT và hướng tới phát triển

công nghiệp bền vững. Các mối liên kết công nghiệp ở đây không chỉ là những liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất lắp ráp với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hỗ trợ mà còn bao gồm cả mối liên kết giữa những doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp nội địa trong cả ngành sản xuất lắp ráp và CNHT. Muốn vậy cần:

- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các Hiệp hội nghề nghiệp liên quan đến các sản phẩm hỗ trợ để thực sự tạo cầu nối giữa các doanh nghiệp hỗ trợ nội địa với các hãng chính (các nhà lắp ráp FDI) và giữa doanh nghiệp hỗ trợ nội địa với các doanh nghiệp hỗ trợ FDI.

- Đa dạng hoá trong hợp tác, liên doanh liên kết với các nhà đầu tư nước ngoài để cung ứng các linh kiện, sản phẩm hỗ trợ. Đối với các dự án sản xuất điện tử, tin học thì để cho ra đời một sản phẩm hoàn chỉnh thì cần tới hàng trăm linh kiện khác nhau và xu thế chung của thế giới là sự phân công lao động quốc tế ngày càng chi tiết. □

1. <http://www.vinacorp.vn/news/cong-nghiep-phu-tro-viet-nam-vi-sao-phat-trien-i-ach/ct-384171>
2. PGS. TS. Nguyễn Văn Thanh (2009), phát triển công nghiệp hỗ trợ - Hướng đi cho ngành công nghiệp ô tô Việt Nam.
3. TS. Đỗ Hương Lan (2009), Phát triển CNHT ở Việt Nam từ bài học kinh nghiệm của các nước trong khu vực, Kỷ yếu Hội thảo Phát triển CNHT – Kinh nghiệm của Nhật Bản và một số nước châu Á, Hà Nội.
4. Phát triển công nghiệp hỗ trợ: Bao giờ?, <http://ddd.com.vn/2008070904353646cat122/phat-trien-cong-nghiep-phu-tro-bao-gio.htm>
5. Đòi điều về công nghiệp phụ trợ, http://tintuc.xalo.vn/04-1035697178/doi_dieu_ve_cong_nghiep_phu_tro.html
6. PGS.TS.Vũ Sỹ Tuấn, Các DNVVN với việc phát triển các ngành CNHT của Việt Nam, Đề tài NCKH cấp Bộ, 2008.
7. <http://www.phunuonline.com.vn/2009/Pages/hang-viet-yeu-suc-do-cong-nghiep-phu-tro.aspx>
8. Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam, <http://www.vami.com.vn/Chitietintuc/tabid/9379/ArticleID/102177/tid/9387/Default.aspx>
9. Sản xuất linh kiện, phụ tùng xe hơi: Vừa thiếu, vừa yếu, http://news.e-city.vn/index.php?ecms=news&news_id=9462
10. PGS.TS.Vũ Sỹ Tuấn, Các DNVVN với việc phát triển các ngành CNHT của Việt Nam, Đề tài NCKH cấp Bộ, 2008.
11. Thực trạng phát triển CNHT tại Việt Nam, <http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/xemtin.asp?idcha=3439&cap=4&id=4426>

Tài liệu tham khảo:

1. TS. Vũ Sĩ Tuấn, *Các doanh nghiệp vừa và nhỏ với việc phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ của Việt Nam* (đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ), 2008.
2. TS. Đỗ Hương Lan, *Phát triển CNHT ở Việt Nam từ bài học kinh nghiệm của các nước trong khu vực*, NXB Khoa học xã hội, 2009.
3. Suy nghĩ về CNHT trong ngành ô tô của Trung Quốc, www.tapchicongnghiep.vn/News/PrintView.aspx?ID=22280.
4. Tạp chí Công nghiệp online, Hướng đi nào cho CNHT Việt Nam?, <http://tapchicongnghiep.vn/News/PrintView.aspx?ID=22289>.
5. Kyoshiro Ichikawa, Tư vấn Đầu tư Cao cấp, Cục Xúc tiến Ngoại thương Nhật Bản tại Hà nội, Xây dựng và tăng cường ngành CNHT tại Việt nam, Báo cáo điều tra, 2008.
6. Kỷ yếu Hội thảo Phát triển CNHT – Kinh nghiệm của Nhật Bản và một số nước châu Á, Hà Nội.